

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/9/2021

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên

2. Bà Vũ Thị Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐSXST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Vũ Thị D**, sinh năm 1974

2. *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972

Đều ở địa chỉ: thôn L xã Q, huyện X, tỉnh Thái Bình

3. *Người làm chứng:* chị **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1995

Địa chỉ: tổ *, phường D, tp T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện X vào ngày 30/11/1994. Năm 2008 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T ham chơi, dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, chị đã phân tích, khuyên giải nhiều nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, chị không còn tình cảm, không trở về đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 04/8/1995 và Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày 07/6/1998. Cả hai con đều đã trưởng thành tự lo được cuộc sống nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: năm 2018 anh và chị D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh từ đó đến nay, xác định không trở về đoàn tụ được nên anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung anh và chị D có hai con chung như chị D khai, các con đều đã trưởng thành. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Anh đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Ng là con của anh T và chị D trình bày: năm 2018 bố mẹ chị phát sinh mâu thuẫn rồi sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Kết quả xác minh tại UBND xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương về thời gian kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như các đương sự trình bày. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung các con đều đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết; về tài sản chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Vũ Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã Q, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án T hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án T hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Kiến Xương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về phát triển kinh tế nên sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Cả hai bên đều xác định không còn tình cảm, không trở về đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt nên xử cho chị D được ly hôn anh T là đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về quan hệ con chung: chị D và anh T có hai con chung, đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

[7] Về án phí: chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. **Về quan hệ con chung:** đều đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

3. **Về quan hệ tài sản chung:** chị D và anh T đều không yêu cầu giải quyết.

4. **Về án phí:** Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001441 ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, chị D đã nộp đủ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ